

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo: 48 tháng
(Đào tạo theo học chế tín chỉ)

1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã số học phần	Tên HP	Số tín chỉ	Loại giờ TC		Điều kiện tiên quyết
				Giờ LT	Giờ TH/TL	
1	Kiến thức giáo dục đại cương		38			
1.1	Lý luận chính trị					
1.	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	24	6	Không
2.	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	36	9	ĐC001
3.	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	6	ĐC001 ĐC002
4.	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	36	9	ĐC001 ĐC002
1.2	Khoa học xã hội- nhân văn					
5.	ĐC005	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản VN	2	24	6	ĐC001 ĐC002 ĐC003
6.	ĐC006	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	36	9	Không
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương	3	36	9	Không
8.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	6	Không
9.	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3	36	9	Không
10.	ĐC011	Mỹ học đại cương	2	24	6	Không
11.	ĐC013	Lịch sử văn minh Thế giới	3	36	9	Không
1.3	Ngoại ngữ					
12.	NN001	Tiếng Anh 1	4	48	12	Không
13.	NN002	Tiếng Anh 2	3	36	9	NN002
1.4	Tin học					
14.	ĐC012	Tin học đại cương	3	15	60	Không
1.5. Giáo dục thể chất			5			
15.	GDTC	Giáo dục thể chất	5			Không
1.6. Giáo dục Quốc phòng - An ninh			8			
16.	GDQP	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8			Không
2	KT Giáo dục chuyên nghiệp					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		24			

17.	QVH007	Quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch	3	36	9	Không
18.	QKS001	Thông kê học	3	30	30	Không
19.	QKS002	Kinh tế vi mô	3	36	9	Không
20.	QKS003	Quản trị học	3	36	9	Không
21.	QKS004	Marketing	2	24	6	Không
22.	QKS005	Nguyên lý kế toán	3	36	9	Không
23.	QKS006	Thương mại điện tử căn bản	3	36	9	Không
24.	VNH028	Tiền tệ và thanh toán Quốc tế	2	24	6	Không
25.	VNH005	Kinh tế Việt Nam	2	24	6	Không
2.2	Kiến thức ngành và chuyên ngành		60			
26.	VNH016	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4	48	12	ĐC013
27.	VNH017	Tiếng Anh chuyên ngành 2	4	48	12	VNH016
28.	QKS010	Tổng quan khách sạn	2	24	6	Không
29.	QKS011	Quản trị dịch vụ	3	36	9	QKS003
30.	VNH009	Tổ chức sự kiện	2	15	30	Không
31.	QKS027	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	2	24	6	Không
32.	QKS012	Kinh tế du lịch	3	36	9	QKS002
33.	QKS013	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	36	9	QKS003
34.	QKS014	Quản trị lễ tân khách sạn	3	15	60	QKS013
35.	QKS015	Quản trị buồng khách sạn	3	15	60	QKS013
36.	QKS016	Quản trị chế biến món ăn	4	15	90	QKS013
37.	QKS017	Quản trị nhà hàng	3	30	30	QKS013
38.	QKS018	Quản trị an ninh khách sạn	3	30	30	QKS013
39.	QKS019	Quản trị khu Resort	3	30	30	QKS003
40.	QKS020	Quản trị thương hiệu	3	36	9	QKS003
41.	QKS021	Quản trị chiến lược	3	36	9	QKS003
42.	QKS022	Thực tế 1 (Thực tế trong tỉnh)	2	0	60	Không
43.	QKS023	Thực tế 2 (Thực tế ngoài tỉnh)	2	0	60	QKS022
44.	QKS024	Thực tập nghề cuối khóa	8	0	240	QKS023
2.3	Kiến thức bổ trợ ngành và chuyên ngành (Chọn 02 trong 04 học phần)		04			
45.	QKS025	Quản trị dự án	2	24	6	QKS003
46.	VNH025	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	24	6	QKS003
47.	VNH013	Tâm lý khách du lịch	2	24	6	ĐC009
48.	VNH027	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	24	6	Không
		Tổng (chưa tính GDTC và GDQP)	126			

2. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Mã số học phần	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ								Bộ môn CN
				1	2	3	4	5	6	7	8	
A	Kiến thức giáo dục đại cương		38									
1.	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	2	2								LLCT
2.	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	3		3							LLCT
3.	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						LLCT
4.	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3					LLCT
5.	ĐC005	Đường lối Văn hóa Văn nghệ của Đảng CSVN	2			2						
6.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		3							LLCT
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương	3		3							KHCB
8.	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3	3								KHCB
9.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			2						KHCB
10.	ĐC011	Mỹ học đại cương	2				2					KHCB
11.	ĐC013	Lịch sử văn minh thế giới	3	3								KHCB
12.	NN001	Tiếng Anh 1	4	4								NN
13.	NN002	Tiếng Anh 2	3		3							NN
14.	ĐC012	Tin học đại cương	3	3								TTH
15.	GDTC	Giáo dục thể chất	5									TH TDTT
16.	GDQP	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	8									TH TDTT
2	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		88									
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		24									
17.	QVH007	Quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch	3				3					QLVH
18.	QKS001	Thống kê học	3			3						TTH
19.	QKS002	Kinh tế vi mô	3			3						QTKS
20.	QKS003	Quản trị học	3			3						QTDV-LH
21.	QKS004	Marketing	2			2						QTDV-LH
22.	QKS005	Nguyên lý kế toán	3		3							QTKS
23.	QKS006	Thương mại điện tử căn bản	3				3					QTKS
24.	VNH028	Tiền tệ và thanh toán Quốc tế	2				2					QTKS
25.	VNH005	Kinh tế Việt Nam	2				2					
2.2	Kiến thức ngành		60									
26.	VNH016	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4					4				NN
27.	VNH017	Tiếng Anh chuyên ngành 2	4						4			NN
28.	QKS010	Tổng quan khách sạn	2					2				QTKS
29.	QKS011	Quản trị dịch vụ	3							3		QTDV-LH
30.	VNH009	Tổ chức sự kiện	2					2				VNH

31.	QKS027	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	2								2	QTKS
32.	QKS012	Kinh tế du lịch	3							3		QTKS
33.	QKS013	Quản trị kinh doanh khách sạn	3					3				QTKS
34.	QKS014	Quản trị lễ tân khách sạn	3					3				QTKS
35.	QKS015	Quản trị buồng khách sạn	3						3			QTKS
36.	QKS016	Quản trị chế biến món ăn	4							4		QTKS
37.	QKS017	Quản trị nhà hàng	3								3	QTKS
38.	QKS018	Quản trị an ninh khách sạn	3						3			QTKS
39.	QKS019	Quản trị khu Resort	3						3			QTKS
40.	QKS020	Quản trị thương hiệu	3							3		QTDV-LH
41.	QKS021	Quản trị chiến lược	3							3		QTDV-LH
42.	QKS022	Thực tế 1 (Thực tế trong tỉnh)	2				2					QTKS
43.	QKS023	Thực tế 2 (Thực tế ngoài tỉnh)	2						2			QTKS
44.	QKS024	Thực tập nghề cuối khoá	8								8	
2.3	Kiến thức bổ trợ ngành và chuyên ngành (Chọn 02 trong 04 học phần)		04									
45.	QKS025	Quản trị dự án	2								2	QTKS
46.	QKS026	Quản trị kinh doanh lễ hành	2								2	QTDV-LH
47.	VNH013	Tâm lý khách du lịch	2								2	VNH
48.	VNH027	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2								2	VNH
		Tổng (chưa tính GDTC, GDQP)	126	15	15	17	17	16	15	16	15	